

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2020
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vương Đình Hoàng.**

2. Bà: **Nguyễn Thúy Hà.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đỗ Mạnh Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng - tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Hoài Ngân** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 28/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị S; Sinh năm 1991

Nơi ĐKNKTT: Bản K, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Trú tại: Bản K, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Lò Văn X; sinh năm 1992

Nơi cư trú: Bản K, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lò Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn X sống chung với nhau từ năm 2010 đến ngày 08/3/2012 thì có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn hai vợ chồng tôi sống hạnh phúc được 05 năm. Sau đó tôi phát hiện anh X nghiện ma túy. Tôi và gia đình hai bên có khuyên bảo nhưng anh X vẫn không thay đổi. Từ tháng 8/2018 đến nay tôi và anh X sống ly thân. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được để đảm bảo cuộc sống hạnh phúc sau này. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn X.

Về con chung: Tôi và anh Lò Văn X có 02 con chung:

- Họ và tên: Lò Văn H; Sinh ngày: 07/01/2011;

- Họ và tên: Lò Mạnh Đ; Sinh ngày: 16/7/2013;

Về con chung tôi yêu cầu giải quyết như sau: Hiện tại hai cháu Lò Văn H và Lò Mạnh Đ đang sống cùng tôi ở Bản K, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn tôi nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Lò Văn H và Lò Mạnh Đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu anh X phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ thu về: Tôi và anh X không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn** anh Lò Văn X được triệu tập hợp lệ và đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến ngày 31/7/2020; bản tự khai ngày 27/8/2020 và các buổi hòa giải anh có mặt và trình bày:

Về hôn nhân: Tôi không nhất trí với ý kiến của chị Lò Thị S. Vì trước do tôi nghiện chất ma túy nên vợ chồng mới phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng hiện tại tôi đang cai nghiện chất ma túy và muốn sửa chữa lỗi lầm. Tôi mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Tôi không nhất trí ly hôn với chị S nên tôi không nhất trí với ý kiến của chị S. Nguyên vọng của tôi là vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về tài sản chung; tài sản riêng; về nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Tôi nhất trí với ý kiến trình bày của chị S là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:

Về thủ tục: Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, Tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị S và anh Lò Văn X đăng ký kết hôn từ ngày 08/3/2012 tại UBND xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn với nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Từ khi lấy nhau chị S, anh X chung sống hạnh phúc được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn, do anh X mắc vào tệ nạn xã hội là nghiện chất ma túy. Mặc dù được 2 bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành, anh chị ly thân đã lâu, không còn chăm sóc quan tâm đến nhau. Nên áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu của chị S, tuyên xử cho chị Lò Thị S được ly hôn với anh Lò Văn X.

Về con chung: Chị S, anh X có 02 người con chung: cháu Lò Văn H, sinh ngày 07/01/2011 và Lò Mạnh Đ, sinh ngày 16/7/2013. Hiện nay cháu đang ở

cùng với chị Lò Thị S, nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu H, Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh Lò Văn X cấp dưỡng nuôi con chung, cháu H, cháu Đ có nguyện vọng được ở với chị Lò Thị S. Áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật HNGĐ giao cháu H, cháu Đ cho chị Lò Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Lò Thị S không yêu cầu anh Lò Văn X cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung: Chị Lò Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cụ thể:

+ Tài sản chung của vợ chồng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

+ Tài sản riêng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

+ Nợ phải trả; nợ lấy về: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

Nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về án phí: Chị Lò Thị S là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn áp phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Mường Ảng theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 29/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án dân sự về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Lò Thị S và bị đơn anh Lò Văn X. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án; Ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, Tòa án ra Thông báo hòa giải lần 2 đã tiến giao trực tiếp, anh X đều có mặt nhưng không nhất trí ly hôn và giao nuôi con chung, tài sản chung tài sản riêng, nợ phải trả nợ lấy về anh nhất trí với ý kiến của chị X. Do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải thành được.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt xét thấy bị đơn là anh Lò Văn X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời không có đơn phản tố nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo nội dung đơn xin ly hôn đề ngày 20/7/2020, lời trình bày của chị Lò Thị S tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2]. **Về hôn nhân:** Chị Lò Thị S và anh Lò Văn X lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn 08/3/2012 tại UBND xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn chị S và anh X chung sống hạnh phúc, sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị S, anh X bất đồng quan điểm sống, do anh X mắc vào nghiện chất ma túy. Đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng, từ tháng 8 năm 2018 đến nay anh chị đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mặc dù anh X mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau, nhưng các buổi hòa giải anh X, chị S không còn tiếng nói chung, thường xuyên xúc phạm nhau. Xét thấy, vợ chồng anh chị không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh X đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị S. Tuyên xử cho chị Lò Thị S được ly hôn với anh Lò Văn X.

[3]. **Về con chung:** Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lò Thị S cũng như nguyện vọng của cháu Lò Văn H và Lò Mạnh Đ thì thấy: Việc chị S muốn tự mình nhận nuôi cả hai người con chung là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Anh X là người mắc tệ nạn xã hội là nghiện chất ma túy nên không có điều kiện về kinh tế và sức khỏe để nuôi dạy các con chung. Hiện nay cả hai cháu đang sống ổn định cùng mẹ từ khi chị S, anh X không còn sống chung, các cháu vẫn còn nhỏ nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu.

Áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật HNGĐ giao cháu Lò Văn H và Lò Mạnh Đ cho chị Lò Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Theo nội dung đơn xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Lò Thị S không yêu cầu anh Lò Văn X cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. **Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung:**

Theo nội dung đơn xin ly hôn, trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay chị Lò Thị S, anh Lò Văn X không yêu cầu giải quyết. Cụ thể:

+ Tài sản chung của vợ chồng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

+ Tài sản riêng: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

+ Nợ phải trả; nợ lấy về: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị S là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5]. **Về án phí:** Xét thấy chị Lò Thị S là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị S.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, khoản 2 điều 227, 228, 271, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị S ly hôn anh Lò Văn X.

2. Về con chung:

Giao cháu Lò Văn H, sinh ngày 07/01/2011 và Lò Mạnh Đ, sinh ngày 16/7/2013 cho chị Lò Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Lò Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S.

Anh X có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung: Không có, chị Lò Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị S.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Báo cho chị S biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã X, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân